

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-PT

Ngày: 21 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương; Bà Hoàng Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/TLPT-HS ngày 24/01/2018 đối với bị cáo Phạm Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HS-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Bị cáo kháng cáo: **Phạm Văn H**, sinh ngày 26/02/1985 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt tạm giam: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu D (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L và 02 con sinh các năm 2005, 2012; tiền án: Ngày 13/6/2008 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức, ra Trại ngày 17/4/2009 về sống tại địa phương (chưa chấp hành khoản án phí và bồi thường trách nhiệm dân sự). Ngày 12/7/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/12/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 218/2012/HSST ngày 12/7/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An buộc chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù. Chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, ra Trại ngày 26/10/2014 về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 11/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Lê Văn S, ngày 12/12/2017 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng sau đó ngày 29/12/2017 có đơn rút kháng cáo để chấp

hành hình phạt theo quyết định của Án sơ thẩm, ngày 30/01/2018, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Thông báo số 52/2018/TB-TA về việc rút kháng cáo của bị cáo Lê Văn S. Có các bị hại ông Nguyễn Văn M, anh Hoàng Việt N; có các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Phạm Văn Ni C, Phạm Thanh X nhưng không có kháng cáo, Án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Toà án không triệu tập tham gia phiên toà phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được xác định như sau:

Trong các ngày 15 tháng 02 và 03 tháng 3 năm 2017, Phạm Văn H cùng Lê Văn S đã thực hiện 02 vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13h ngày 15/02/2017 Phạm Văn H rủ Lê Văn S từ huyện L xuống thành phố Đ để trộm cắp tài sản. S dùng xe mô tô Honda Airblade, gắn BKS 75B1 - 092.65 chở H đi ngang qua số nhà 37, đường T thuộc Tổ dân phố 8, phường N, thành phố Đ phát hiện xe mô tô Honda, AirBlade, Biển số 73G1 - 102.48 của anh Nguyễn Văn M dựng trước cổng nhà. H dừng xe cách số nhà 37 khoảng 40m để S đứng canh giới, H đi bộ đến dùng vạm phá khóa chuẩn bị sẵn phá ổ khóa điện của xe rồi điều khiển xe chạy thoát theo đường H lên huyện L. Trên đường đi, S tháo biển số xe đưa cho H vớt dọc đường rồi lắp biển số xe 75B1-092.65 của S vào xe vừa trộm được, điều khiển xe về cất giấu tại quán của S ở thôn M, xã T, huyện L, H điều khiển xe của S về nhà. Ngày 16/02/2017, H gọi điện thoại bảo S đưa xe đến để H đem bán cho 01 nam thanh niên không rõ địa chỉ lấy 5.500.000đồng. H đưa cho S 2.000.000 đồng, còn lại H tiêu xài hết.

Ngày 03/8/2017 Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, Biển số 73G1-102.48 trị giá 25.000.000đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới đã thực hiện các biện pháp điều tra nhưng không truy tìm và thu giữ được xe Honda AirBlade và Biển số xe 73G1- 102.48. Gia đình Phạm Văn H và Lê Văn S đã bồi thường 25.000.000đồng cho ông Nguyễn Văn M.

Vụ thứ hai: Khoảng 20h ngày 03/3/2017, Lê Văn S rủ Phạm Văn H đi trộm cắp tài sản. S dùng xe mô tô Honda Airblade, gắn Biển số 75B1 - 092.65 chở H từ huyện L xuống thành phố Đ. Khi đi ngang qua ngõ 128, đường H, phường Đ, thành phố Đ phát hiện ở bãi đỗ xe không có người trông giữ. S dùng xe gần đó rồi mở cốp xe lấy vạm phá khóa đưa cho H. H cầm vạm phá khóa đi bộ đến phá ổ khóa điện của xe Yamaha Exciter, Biển số 73H1 262.63 của anh Hoàng Việt N rồi điều khiển xe chạy theo đường H lên huyện L, đến địa phận huyện Q thì dừng lại. S tháo biển số xe đưa cho H rồi chạy xe vừa trộm được về quán cất giấu, H chạy xe của S về nhà. Ngày 05/3/2017 H đưa xe đến bán cho Phạm Văn Ni C ở xã L, huyện L lấy 15.000.000đồng rồi chia cho S 5.000.000đồng, còn lại H tiêu xài hết.

Sau khi mua xe Exciter, Phạm Văn Ni C lắp biển số 73H1-204.38 để sử dụng. Sau đó bán lại cho ông Phạm Thanh X lấy 20.000.000đồng.

Theo kết luận định giá số 238 ngày 03/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, Biển số 73H1-262.63 trị giá 35.000.000đồng.

Quá trình điều tra, S khai xe mô tô Honda Airblade là phương tiện phạm tội do S mua của đối tượng tên Q không rõ địa chỉ, hiện xác định xe trên là vật chứng của vụ án khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý. Đối với Biển số 75B1- 092.65 xác định của xe mô tô chủ sở hữu là Trương Văn H ở huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi Công an Công an huyện Phú Vang, hiện tại chưa có ý kiến trả lời.

Thu giữ 01 vạm phá khóa hình chữ L, 02 lưỡi vạm, 01 Biển số 75B1- 092.65 của Lê Văn S, 01 Biển số 73H1-204.38 của Phạm Văn Ni C; thu giữ và trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, Biển số 73H1- 262.63 cho ông Hoàng Việt N; Phạm Văn Ni C không yêu cầu Phạm Văn H và Lê Văn S bồi thường số tiền 15.000.000đồng. Phạm Thanh X yêu cầu Phạm Văn Ni C trả lại số tiền 20.000.000đồng.

Cáo trạng số 79/THQCT-KSĐT-KT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Bản án số 77/2017/HS-ST, ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, đoạn 1, đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H.

Xử phạt Phạm Văn H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/8/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn S.

Xử phạt Lê Văn S 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử buộc Phạm Văn Ni C bồi thường số tiền 20.000.000đ cho Phạm Thanh Xuân;

Xử buộc các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Hoàng Việt N số tiền 3.100.000đ.

Tịch thu tiêu huỷ vật chứng vụ án là công cụ được các bị cáo sử dụng phạm tội;

Xử buộc các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; tuyên buộc Phạm Văn Ni C phải nộp 1.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Tuyên buộc bên phải thi hành án phải chịu lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 21/12/2017, bị cáo Lê Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 27/12/2017, bị cáo Phạm Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/12/2017, bị cáo Lê Văn S có đơn rút kháng cáo để chấp hành hình phạt theo quyết định của Án sơ thẩm.

Ngày 30/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Thông báo số 52/2018/TB-TA về việc rút kháng cáo của bị cáo Lê Văn S.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn H khai nhận hành vi trộm cắp xe máy của bị cáo cùng bị cáo Lê Văn S đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H để sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo từ 8 tháng đến 10 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Theo lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn H phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài sản trộm cắp bị thu giữ, Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HS-ST, ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Văn S, ngày 21/12/2017, có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, sau đó ngày 27/12/2017, có đơn rút kháng cáo để chấp hành hình phạt theo quyết định của Án sơ thẩm.

Theo đơn rút kháng cáo của bị cáo Lê Văn S, ngày 30/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Thông báo số 52/2018/TB-TA về việc rút kháng cáo của bị cáo Lê Văn S. Ngày 28/02/2018, có Quyết định số 01/2018/HSPT-QĐ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn S. Phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn S tại Bản án số 77/2017/HS-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân

thành phố Đồng Hới có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (28/02/2018).

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn H, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, có hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Ở vụ án này các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S có 2 lần trộm cắp tài sản, xét về vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S đều có vị trí, vai trò, mức độ phạm tội như nhau, theo tình tiết tăng nặng “tái phạm”, án sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án cao hơn bị cáo Lê Văn S 12 tháng tù là có cao so với hình phạt đối với bị cáo Lê Văn S. Sau khi phạm tội, bị cáo Phạm Văn H đã có ý kiến đề gia đình cùng với gia đình bị cáo Lê Văn S nộp 25.000.000đ bồi thường khắc phục gần đủ thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã có ý kiến đề ngày 08/3/2018, gia đình bị cáo nộp tiếp 3.100.000đ bồi thường cho bị hại Hoàng Việt N theo quyết định của Bản án sơ thẩm, được bị hại Hoàng Việt N viết giấy nhận tiền và đề nghị xem xét giảm nhẹ cho Phạm Văn H. Như vậy, đến ngày xét xử phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn H đã có ý kiến đề gia đình bồi thường đủ thiệt hại cho các bị hại theo quyết định của Án sơ thẩm.

Theo tình tiết mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H để sửa án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm án cho bị cáo như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[2]. Về Án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Văn H.

Bị cáo Phạm Văn H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu Án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu Án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, mức nộp án phí vụ án hình sự phúc thẩm;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H để sửa Án sơ thẩm.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phạm Văn H.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 11/8/2017.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn H không phải chịu Án phí hình sự phúc thẩm.

Phản quyết định hình phạt của Án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn S có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ việc xét xử phúc thẩm (28/02/2018).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về buộc các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Hoàng Việt N số tiền 3.100.000đ (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 08/3/2018 gia đình bị cáo Phạm Văn H đã bồi thường số tiền 3.100.000đ cho bị hại Hoàng Việt N); buộc Ông Phạm Văn Ni C bồi thường số tiền 20.000.000đ cho ông Phạm Thanh X; về tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án là công cụ được các bị cáo sử dụng phạm tội; về buộc các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ Án phí hình sự sơ thẩm, 300.000đ Án phí dân sự sơ thẩm; buộc ông Phạm Văn Ni C phải nộp 1.000.000đ Án phí dân sự sơ thẩm; buộc bên phải thi hành án phải chịu lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/3/2018).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC;
- Sở Tư pháp Q Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Việt